TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/LĐ – ST
Ngày: 08 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy, công tác tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST- LĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST – LĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Kiều T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Diễm C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A, đường số B, khu công nghiệp H, xã H1, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M, chức danh: Tổng giám đốc;

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh L;

Địa chỉ: Số X, Y, phường Z, thành phố R, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị Kiều T trình bày: Năm 2009, bà cho bà Trần Thị Diễm C mượn giấy tờ tùy thân để bà C xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam (sau đây viết là Công ty S). Công ty S có tham gia bảo hiểm xã hội (sau đây viết là BHXH) cho bà C, với tên của bà theo sổ BHXH mã số 8009009817 cấp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L, thời gian tham gia BHXH từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010 thì bà C nghỉ việc, bà C đã lãnh chế độ BHXH và đã làm mất sổ BHXH này nên được BHXH huyện C cấp lại lần thứ 02 vào ngày 24/9/2024.

Từ tháng 02/2009 đến tháng 09/2010, bà thực tế làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam, được Công ty tham gia BHXH theo sổ BHXH mã số 7909083840, khi nghỉ việc bà đã lãnh chế độ BHXH, hiện không còn giữ sổ BHXH này nữa. Gần đây, bà phát hiện bà bị trùng thời gian tham gia BHXH giữa sổ BHXH mã số 8009009817 và sổ BHXH mã số 7909083840, thời gian trùng là từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010. Vì vậy, bà khởi kiện bà Trần Thị Diễm C, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty S với bà Trần Thị Diễm C (trên hợp đồng ghi tên người lao động là Đào Thị Kiều T), thời gian làm việc từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010. Bà không có hợp đồng lao động này nên không cung cấp cho Tòa án được.

Điều chỉnh sổ BHXH mã số 8009009817 mang tên Đào Thị Kiều T làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010 thành tên của bà Trần Thị Diễm C.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Diễm C trình bày: Tháng 3/2009, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà Đào Thị Kiều T để xin việc tại Công ty S, Công ty có tham gia BHXH cho bà với tên của bà T theo sổ BHXH mã số 8009009817. Tháng 3/2010, bà nghỉ việc và đã lãnh BHXH, chưa lãnh bảo hiểm thất nghiệp. Sau đó, bà sử dụng thông tin nhân thân của bà để xin việc tại Công ty S, đến năm 2012 thì bà nghỉ việc, bà đã lãnh BHXH. Nay, bà đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng ý điều chỉnh sổ BHXH mã số 8009009817 mang tên Đào Thị Kiều T làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 thành tên của bà là Trần Thị Diễm C, để bà và bà T được hưởng các chế độ BHXH theo quy định. Hiện, bà không còn giữ sổ BHXH trong thời gian bà làm việc tại Công ty S và không có yêu cầu gộp sổ BHXH. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có ý kiến: Tháng 3/2009, Công ty S có kê khai đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tên Đào Thị Kiều T, số sổ BHXH được cấp là 8009009817, quá trình đóng bảo hiểm từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010, hiện đã hưởng trợ cấp BHXH, chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội tỉnh L xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng Công ty vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty S với bà Trần Thị Diễm C nhưng hợp đồng lao động ghi tên người lao động là Đào Thị Kiều T; điều chỉnh sổ BHXH mã số 8009009817 mang tên Đào Thị Kiều T làm việc tại Công ty S, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 thành tên của bà Trần Thị Diễm C. Bà T và bà C được hưởng chế độ BHXH theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Đào Thị Kiều T khởi kiện bà Trần Thị Diễm C, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ BHXH. Bà Trần Thị Diễm C có nơi cư trú tại xã P2, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và Bảo hiểm xã hội tỉnh L có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Đào Thị Kiều T và bà Trần Thị Diễm C thống nhất trình bày vào tháng 3/2009 bà T có cho bà C mượn giấy tờ tùy thân để bà C giao kết hợp đồng lao động với Công ty S, thời gian làm việc từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010. Công ty S đã được Tòa án tống đạt các văn

bản tố tụng liên quan nhưng không có ý kiến phản hồi về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà T và bà C là đúng sự thật. Vào tháng 3/2009, bà Trần Thị Diễm C đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Đào Thị Kiều T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Đào Thị Kiều T nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và người làm việc tại Công ty S là bà Trần Thị Diễm C. Do đó, bà C mới là người lao động thật sự và có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty S theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002.

Tuy nhiên, bà C sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty S là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Công ty S sử dụng lao động là bà C nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà T nên Công ty S chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định C tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà C và Công ty S đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà T yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Diễm C (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Đào Thị Kiều T) với Công ty S trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ BHXH: Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định vào tháng 3/2009, Công ty S có kê khai đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tên Đào Thị Kiều T, số sổ BHXH là 8009009817, quá trình đóng bảo hiểm từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010, hiện đã được hưởng trợ cấp BHXH, chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHTN. Hiện tại, sổ BHXH mã số 8009009817 cấp lần đầu đã không còn và bà T đã được BHXH huyện C cấp sổ BHXH lần 02 vào ngày 24/9/2024.

Tuy nhiên, bà T và bà C xác định từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010, bà Trần Thị Diễm C mới là người lao động được Công ty S tham gia BHXH theo sổ BHXH mã số 8009009817. Thời điểm tháng 3/2009, bà C đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Nay, bà T và bà C thống nhất điều chỉnh sổ BHXH nêu trên thành tên của bà Trần Thị Diễm C là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh này là bảo đảm đúng đối tượng lao động thật sự, phù hợp với quy định về BHXH tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, nên được chấp nhận, điều chỉnh sổ

BHXH số 8009009817 từ tên Đào Thị Kiều T thành tên Trần Thị Diễm C. Bà C được hưởng chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà C với Công ty S; bà T được hưởng chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam. Bà Trần Thị Diễm C không yêu cầu giải quyết về gộp sổ BHXH nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề này.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Đào Thị Kiều T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định C tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Kiều T đối với bị đơn bà Trần Thị Diễm C.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị Diễm C (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Đào Thị Kiều T) với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam, trong thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010, bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009009817 cấp cho bà Đào Thị Kiều T do Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam nộp từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L (được Bảo hiểm xã hội huyện C cấp sổ BHXH lần 2 vào ngày 24/9/2024) thành tên bà Trần Thị Diễm C.

Bà Trần Thị Diễm C được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Diễm C với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S Việt Nam theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009009817 đã được điều chỉnh.

Bà Đào Thị Kiều T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Đào Thị Kiều T với Công ty trách nhiệm hữu hạn K Việt Nam.

2. Về án phí: Bà Đào Thị Kiều T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Đào Thị Kiều T có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013525 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương